TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM - ST
Ngày: 02/02/2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa
Các Hội thẩm nhân dân:
1/- Bà Hồ Thị Minh Tâm
2/- Ông Ngô Phúc

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST–KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2020/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV N.
Địa chỉ: Số 227A, Ấp B, Xã Bình T, huyện Lấp V, Tỉnh Đ.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị L – chức vụ: Giám Đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành N- Chức vụ: Phó phòng kinh doanh.
Nơi cư trú: Số 671 An N, Xã Đ, Huyện L, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2/.Bị đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm: 1953.
Nơi cư trú : Ấp Đông Bình T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).
Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm: 1978.
Nơi cư trú : Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Công ty TNHH MTV N do bà Đinh Thị L đại diện trình bày:

Bắt đầu từ năm 2015 Công ty TNHH MTV TM-DV N và ông Lê Văn A và bà Lê Thị Hồng T có thực hiện giao dịch mua bán xi măng, thời gian đầu ông A và bà T thanh toán tiền hàng tương đối ổn định. Tuy nhiên đến tháng 5/2019 khi công nợ còn lại 7.660.000 đồng thì ông A và bà T không thanh toán công nợ cho công ty đến tháng 7 và tháng 8/2019 ông A có thỏa thuận sẽ dùng phương tiện nhà của ông để vận chuyển thuê cho phía Công ty N để trừ nợ còn thiếu. Tuy nhiên trong lúc vận chuyển thuê thì xảy ra sự cố do phương tiện của ông A làm chết xi măng của bên công ty, ông A có xác nhận sự việc trên là do phương tiện của ông gây ra và ông có cam kết khắc phục hậu quả bằng cách bồi thường tổng thiệt hại bao gồm: Tiền xi măng cá sấu ở Cà Mau 11.300.000 đồng và tiền xi măng Cửu Long ở Rạch Giá là 79 bao x 75.000đồng/ bao= 5.925.000 đồng, hai bên thống nhất số tiền mà ông A phải bồi thường cho Công Ty N sau khi trừ ra phần tiền thuê vận chuyển của ông A là 15.025.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà ông A và bà T còn nợ và tiền bồi thường là 22.685.000 đồng (có biên bản đối chiếu công nợ và sổ đối chiếu và xác nhận công nợ kèm theo), nhiều lần nhắc nhở và đến để thu hồi công nợ nhưng phía ông A và bà T chỉ hứa suông hoặc cố tình trốn tránh. Nay Công Ty yêu cầu ông A và bà T phải trả cho Công Ty số tiền 22.685.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Lê Văn A: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và hòa giải, nhưng phía ông A đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2021 người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T trình bày: Bà là con ruột của ông A, vào năm 2015 bà và ông A có thực hiện giao dịch mua bán xi măng với công ty N đến tháng 5/2019 thì ông A và bà còn nợ lại Công ty 7.660.000 đồng, sau đó ba của bà có thỏa thuận dùng phương tiện ghe nhà để chở thuê cho Công ty trừ nợ còn thiếu, khi vận chuyển thì xảy ra sự cố đường cạn khó đi phải đi đường vòng tốn thời gian nên xi măng trên ghe bị chết do ẩm mốc ba của bà có thỏa thuận sẽ bồi thường cho công ty, còn thỏa thuận bồi thường số tiền bao nhiêu thì bà không biết. Nay bà không có việc làm, ba mẹ bà đã già cũng không làm ra tiền nên cũng không có khả năng trả nợ cho công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê Văn A và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 22.685.000 đồng và phía ông A và bà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Công ty TNHH MTV TM-DV N là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Văn A là bị đơn trong vụ kiện; bà Lê Thị Hồng T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH MTV TM-DV N, ông Lê Văn A và bà Lê Thị Hồng T.

[2]Về nội dung: Công ty TNHH MTV TM-DV N khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn A và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 22.685.000 đồng, trong đó tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 7.660.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 15.025.000 đồng. Xét thấy căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp như biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2020, sổ đối chiếu và xác nhận công nợ có chữ ký và xác nhận nợ của ông Lê Văn A và bà Lê Thị Hồng T và lời thừa nhận của bà Lê Thị Hồng T tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2021 cho thấy giữa Công ty TNHH MTV TM-DV N và ông Lê Văn A, bà Lê Thị Hồng T có ký hợp đồng mua bán xi măng với nhau là thật. Quá trình thực hiện việc mua bán thì phía ông A và bà T còn nợ Công ty số tiền 7.660.000 đồng, sau đó phía ông A có thỏa thuận dùng phương tiện ghe nhà để chở thuê cho Công ty trừ nợ còn thiếu và phía bà T thừa nhận khi vận chuyển thì xảy ra sự cố đường cạn khó đi phải đi đường vòng tốn thời gian nên xi măng trên ghe bị chết do ẩm mốc ba của bà có thỏa thuận sẽ bồi thường cho công ty, tại biên bản đối chiếu công nợ và sổ đối chiếu và xác nhận công nợ ông Ađều ký xác nhận còn nợ công ty số tiền nợ mua xi măng là 7.660.000 đồng và bồi thường cho Công ty số tiền 15.025.000 đồng nhưng không thực hiện. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng phía ông A và bà T là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là phải trả tiền đúng theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, sau khi gây thiệt hại do chở xi măng bị chết có thỏa thuận bồi thường nhưng cũng không thực hiện được đúng theo cam kết, việc kéo dài thời gian trả nợ đã gây thiệt thòi về quyền lợi chính đáng cho phía nguyên đơn. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV TM-DV N buộc ông Lê Văn An, bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả số tiền 22.685.000 đồng cho Công ty TNHH MTV TM-DV N là hoàn toàn phù hợp.

- Về lãi suất chậm trả Công ty TNHH MTV TM-DV N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 bộ luật tố tụng dân sự và và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Văn A, bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo qui định.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TM-DV N được chấp nhận nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 385, 398, 401, 468 của Bộ luật dân sự và các Điều 30, 35, 147, 227, 228 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 73 của luật Doanh Nghiệp 2014, điều 319 của Luật Thương mại và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV TM-DV N

2. Buộc ông Lê Văn An và bà Lê Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV TM-DV N số tiền 22.685.000đ(hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4.Về án phí: Ông Lê Văn A và bà Lê Thị Hồng T phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV TM-DV N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0007358 ngày 18/11/2020 của chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Hoa